

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: **48/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 30/10/2018

Về việc: “Ly hôn”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đình Phúc**

Ông **Phạm Hoàng Long**

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Đào Thị Quỳnh Nga** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước không tham gia phiên tòa.*

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 370/2018/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09/10/2018 và thông báo dời phiên tòa số 10/2018/TB -TA ngày 24/10/2018 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Anh **Bùi Huy D0**, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện Thái T, tỉnh Thái B. (xin vắng mặt)

*Bị đơn: Chị **Hà Thị M**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số 17, tổ 37, ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh B. (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

-Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 9 năm 2018, bản tự khai nguyên đơn anh **Bùi Huy Dưỡng** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh **Bùi Huy D** và chị **Hà Thị M** chung sống với nhau một cách tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thái T, tỉnh Thái B vào năm 2014. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi nhau. Từ tháng 11/2015 cho đến nay, chị **M** chuyển vào sinh sống tại tỉnh B, cũng từ đó vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay, anh **D** xác định tình cảm dành cho chị **M** đã hết nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với chị **Hà Thị M**.

Về con chung và tài sản chung: Không có.

Ngoài ra anh **D** không có yêu cầu nào khác.

Ngày 26/9/2018, anh **Bùi Huy D** có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

-Tại bản tự khai đề ngày 11/9/2018, bị đơn chị **Hà Thị M** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị M và anh Bùi Huy D chung sống với nhau một cách tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thái T, tỉnh Thái B vào năm 2014. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong cuộc sống gia đình và công việc, tính tình không hợp nhau nên từ tháng 11/2015 cho đến nay, chị M chuyển vào sinh sống tại tỉnh B, còn anh D sinh sống tại quê. Từ đó vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay, chị M xác định tình cảm vợ chồng với anh D đã hết nên chị M cũng đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn theo yêu cầu của anh D.

Về con chung và tài sản chung: Không có.

Ngoài ra chị M không có yêu cầu nào khác.

Ngày 08/10/2018, chị M có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện ngày 07/9/2018, nguyên đơn là anh Bùi Huy D yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Hà Thị M và không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn là chị Hà Thị M cư trú tại ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh B, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

-Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã giao Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Bùi Huy D và chị Hà Thị M nhưng anh D và chị M đều có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Xét thấy, cần áp dụng Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt anh Bùi Huy D và chị Hà Thị M là phù hợp.

-Yêu cầu của đương sự:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Huy D và chị Hà Thị M chung sống với nhau một cách tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thái T, tỉnh Thái B vào năm 2014. Xét thấy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có sự cảm thông chia sẻ những khó khăn xảy ra trong cuộc sống gia đình, không đồng nhất quan điểm sống. Điều đó làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình cảm vợ chồng và hạnh phúc gia đình, bản thân anh D và chị M không tìm được cách khắc phục nên từ tháng 11/2015 cho đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người sống một nơi, không sự còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, hôn nhân giữa hai người đã không còn tồn tại trên thực tế. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh D và chị M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên việc anh D xin được ly hôn với chị M là có cơ sở được chấp nhận. Do vậy cần áp dụng Điều 56

Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên xử cho anh Bùi Huy D được ly hôn với chị Hà Thị M là phù hợp.

[2] Về con chung: Nguyên đơn anh Bùi Huy D và bị đơn Hà Thị M không có con chung nên không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Nguyên đơn anh Bùi Huy D và bị đơn Hà Thị M không có tài sản chung nên không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm các bên phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên xử cho anh Bùi Huy D được ly hôn với chị Hà Thị M.

2. Về con chung, tài sản chung và các vấn đề khác: Không có nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), anh Bùi Huy D phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0024936, quyển số 000499 ngày 11/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Đồng Phú;
- THA huyện Đồng Phú;
- UBND xã T, (cq ĐKKH)
- Các đương sự;
- Lưu HS, BP.HNGĐ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương